TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 28-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nhất
2. Ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tiến, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù A T** - Sinh năm 1988 (Tên gọi khác: Lù A Trắng).

Nơi sinh: Xã Làng Chiếu, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lù A Cha, sinh năm 1965; Con bà: Mùa Thị Vế, sinh năm 1966; Vợ là Mùa Thị Mỷ, sinh năm 1995; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2019 chuyển tạm giam ngày 25/12/2019, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 20/11/2012 bị TAND huyện Mường Lát xử phạt 05 (Năm) năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích", thời gian chấp hành từ ngày 25/4/2012. Bản án bị kháng cáo, đến ngày 31/01/2013 TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm, y án sơ thẩm. Bị cáo được đặc xá trở về địa phương ngày 31/8/2015. Đã xóa án tích.

**** Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Hà Văn Khôi, trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 16/12/2019, Lù A T lên đồi luồng để thăm trâu của gia đình thả trước đó. Đến khoảng 17^{h} 00 phút cùng ngày, Lù A T đang trên đường đi bộ về nhà ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý, trên đường về Tráng gặp một người đàn ông dân tộc Mông đang đi bộ ngược chiều với Tráng, gặp nhau hai người nói chuyện và người này giới thiệu là người nước Lào. Người đàn ông Lào hỏi T "Mày có làm thuê không?" T hỏi lại "Làm thuê cái gì?" người đàn ông Lào trả lời "Mày cầm hồng phiến của tao đi sang khu Piềng Pọng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa đưa cho một người tên đàn ông tên là L, đang chờ bên đó, quay về đây tao cho mày 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng)", T đồng ý và người Lào này đưa túi nilon màu xanh bên trong có đựng nhiều viên ma túy tổng hợp cho T (T không kiểm tra), T cầm gói hồng phiến rồi bỏ vào túi vải đeo bên người. Đến 18^{h} cùng ngày, T đeo túi vải màu xanh trước ngực bên trong có gói ma túy tổng hợp đã nhận trước đó và đi bộ theo đường rừng từ bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát sang huyện Quan Hóa để đưa ma túy cho người đàn ông theo lời chỉ dẫn của người đàn ông dân tộc Mông (Lào). Đến 20^{h} 30 phút cùng ngày, khi T đi đến bìa rừng khu vực bản Piềng Pọng, thuộc địa phận bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa thì T bị Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa phát hiện, bắt quả tang, thu giữ túi vải mà T đang đeo trên người, bên trong túi vải có bọc nilon chứa 123 (Một trăm hai mươi ba) viên màu hồng, nghi là ma túy tổng hợp.

Tại bản kết luận giám định số 273/PC09 ngày 23/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: 123 (Một trăm hai mươi ba) viên nén màu hồng, của phong bì niêm phong có ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (Trọng lượng) là 10,917g (Mười phẩy chín trăm mười bảy gam), là ma túy, loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lù A Tráng khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mục đích của Lù A T là vận chuyển ma túy cho người đàn ông dân tộc Mông (Lào) để lấy tiền công là 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-QH ngày 16/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Lù A T về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" quy định tại điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bị cáo Lù A Tráng phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 2 điều 250 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lù A T từ 09 đến 10 năm tù; Thời hạn chấp hành hình

phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm nương rẫy, không có thu nhập.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định và 01 túi vải thu giữ cảu bị cáo, vì đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng.

Áp dụng: điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì bị cáo thuộc hộ nghèo.

Tại phiên tòa, Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bản thân bị cáo không nghiện chất ma túy, do không có việc làm, gia đình khó khăn nên mới nhận lời vận chuyển trái phép chất ma túy với mục đích để được trả công là 200.000^{đ}, để lấy tiền mua gạo, mua mắm, mua muối cho gia đình, ngoài ra không có mục đích nào khác. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng cũng như mức hình phạt đã đề nghị. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số (H'Mông) từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, các con còn nhỏ, bị cáo không có việc làm nên đã "nhẹ dạ, cả tin" ai thuê gì thì làm đó, dẫn đã vi phạm pháp luật. Nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS, cho bị cáo một hình phạt phù hợp, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với xã hội, với gia đình để nuôi dạy con cái và trở thành công dân có ích; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết biết việc làm của cáo là sai, xin HĐXX xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội và hứa sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị của người bào chữa và lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định như sau:

[1]Về tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Quan Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, try tố và tại phiên tòa, Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể:

Khoảng 16h30 phút, ngày 16/12/2019, bị cáo đang đi bộ thuộc địa phận bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát để về nhà, khi bị cáo đi trên đường thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông, qua nói chuyện thì người đàn ông này giới thiệu là người Lào, đã đi bộ đường dài nên chân đã rất mõi, không đi được nữa. Người đàn ông Lào hỏi Tráng "có làm thuê không?" thì T đồng ý làm, người đàn ông Lào lấy ma túy ra và nói cho T biết đây là viên hồng (Hồng phiến) và chỉ dẫn cho T đem số ma túy này đến bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa để giao cho một người tên là L đang đợi ở đó và sau đó quay về sẽ trả công là 200.000^{đ}, T đã đồng ý và nhận ma túy từ người đàn ông này và bỏ vào túi vải đeo bên người. Đến khoảng 18^{h} cùng ngày, T một mình đi bộ theo đường rừng từ bản Tà Cóm, xã Trung Lý sang bản Chiềng, xã Trung Sơn để giao ma túy cho người tên là L như đã được chỉ dẫn. Đến 20^{h} cùng ngày, khi bị cáo đi đến khu vực Piềng Pọng thuộc bản Chiềng, xã Trung Sơn thị bị bắt quả tang, thu giữ trong túi vải của T đang đeo trên người, bên trong túi vải có bọc nilon chứa 123 viên ma túy tổng hợp.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, hành vi của bị cáo, vật chứng là ma túy đã thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Lù A T đã phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 điều 250 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, vi phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được Vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số (H'Mông), từ nhỏ sống ở

vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các con bị cáo còn nhỏ (một cháu sinh năm 2018, một cháu sinh năm 2019), vợ bị cáo không có việc làm, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đối với những tình tiết này là thực tế của bị cáo, nhưng không được hướng dẫn cụ thể tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán, nên Hội đồng xét xử không thể tùy tiện áp dụng khoản 2 điều 51 BLHS cho bị cáo, mà những tình tiết này HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đó là năm 2012 bị cáo bị xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" đến ngày 31/8/2015 bị cáo đặc xá và đã được đương nhiên xóa án tích, nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện, làm ăn lương thiện để có thu nhập, mà lại đi vận chuyển trái phép ma túy để lấy công là trái quy định và vi phạm pháp luật;

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa và đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận và cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 250 BLHS "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^{đ} đến 500.000.000^{đ}.....". Nhưng xét bị cáo là thành viên trong hộ nghèo, công việc chính làm nương rẫy, gia đình rất khó khăn, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau gián và 01 túi vải màu xanh bị cáo đựng ma túy, đây là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2020, theo quyết định số 409/QB-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát. Nên HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án và Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, điều 332, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[10] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông (Lào) đã thuê bị cáo vận chuyển ma túy và người tên L. Qua lời khai của bị cáo, nhưng bị cáo không biết cụ thể tên, tuổi, địa chỉ của những người này, nên không thể xác minh làm rõ để xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm h khoản 2 điều 250; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lù A T** (Tên gọi khác **Lù A T')** phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lù A T 09** (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (16/12/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ gói niêm phong và 10,115g (Mười phẩy một trăm mười một gam) các viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều in chữ WY là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng, Vũ Anh Dũng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếc túi vải màu xanh (Đã cũ).

Tất các các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/4/2020 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lù A Tráng.

Kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát, TH;
- Bị cáo Lù A T;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng